TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2021/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 05 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 08/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1965;

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: K287/H06/6 đường Trường Sơn, tổ 37 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C kết hôn vào ngày 25 tháng 4 năm 1986, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C sống tại địa chỉ tổ 43, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T và bà C không cùng quan điểm sống nên hay xảy ra cải vã, không thể hòa hợp với nhau được. Ông T và bà C đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm hay chăm sóc gì cho nhau. Xét thấy, ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 02/9/1986 và Nguyễn Thị Trang T, sinh ngày

10/3/1993. Các con đã đủ 18 tuổi nên ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài nợ chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 260 quyển số 02 ngày 25/4/1986 nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng).

- Về con chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 02/9/1986 và Nguyễn Thị Trang T, sinh ngày 10/3/1993. Các con đã đủ 18 tuổi nên ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài nợ chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0008617 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Như vậy, ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :
- Viện KSND quận Cẩm Lệ;
- UBND p. An Hải Bắc;
- Chi cục THADS q. Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Quyên